

BẢNG TIỀN LƯƠNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC

THÁNG 9 / 2024

Ban hành theo Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ TC

TT	Số tài khoản	Họ và tên	Chức vụ	Dạy môn, tổ	Mã ngạch	Nữ	Đang viên	Ngày tuyển dụng chính thức (thết lập sự)	Ngày tháng nâng lương gần nhất	Bậc	Hệ số lương CB	Tỷ lệ PC TN nghề	Tỷ lệ PCV K	Chức vụ	Trách nhiệm	Phụ cấp				Thu hút	Tổng công lương & phụ cấp	Nghỉ việc khng lương	Khấu trừ 10,5% BHXH, YT, TN	Tổng số tiền được nhận 89,5%	Trừ lương	
																PCUĐ	PC TN nghề	Vượt khung	Đang đoàn						Tiền lương	Tổng số tiền nhận sau khi trừ tiền vay
1	8800044099	Bùi Cao Văn	HT	T	V.07.05.15		C/U	02/09/2001	01/12/2022	9	4,98	23%	0%	0,70		1,70	1,31	-	0,30	-	16.182.720		1.194.674	14.988.046	14.988.046	
2	8813386876	Nguyễn Tân Lương	HP	T	V.07.05.14		C/U	01/11/1999	01/11/2021	4	5,02	24%	0%	0,55		1,67	1,34	-	0,30	-	15.980.040		1.305.385	14.674.655	14.674.655	
3	8843386877	Nguyễn Việt Trung	HP	SI	V.07.05.14		X	01/10/2002	01/10/2022	3	4,68	21%	0%	0,55		1,57	1,10	-	-	-	14.215.140		1.196.049	13.019.091	13.019.091	
4	8863386878	Lê Văn Đức	TP	A	V.07.05.15			07/09/1999	01/06/2022	9	4,98	25%	0%	0,15		1,54	1,28	-	-	-	14.312.700		1.211.963	13.100.737	13.100.737	
5	8883386879	Liên Thị Thu	TT	A	V.07.05.15	X		05/10/2002	05/01/2023	8	4,65	23%	0%	0,25		1,47	1,13	-	-	-	13.494.600		1.139.103	12.355.497	12.355.497	
6	8863386880	Phan Thị Tinh	GV	A	V.07.05.15	X	X	01/11/1999	01/11/2023	9	4,98	24%	0%	-		1,49	1,20	-	-	-	13.804.560		1.167.113	12.637.447	12.637.447	
7	8893386881	Võ Thị Thủy Nga	GV	A	V.07.05.15	X	X	01/11/1999	01/02/2023	9	4,98	24%	0%	-		1,49	1,20	-	-	-	13.804.560		1.167.113	12.637.447	12.637.447	
8	8813386882	Nguyễn Thị Dương	GV	A	V.07.05.15	X		05/10/2002	05/10/2022	8	4,65	21%	0%	-		1,40	0,98	-	-	-	12.638.700		1.063.409	11.575.291	11.575.291	
9	8833386883	Phạm Thị Bích Nga	GV	A	V.07.05.15	X		03/09/2011	03/09/2023	5	3,66	13%	0%	-		1,10	0,48	-	-	-	9.420.840		781.666	8.639.174	8.639.174	
10	8863386884	Nguyễn Thị Toàn	GV	A	V.07.05.15	X		03/09/2011	03/09/2023	5	3,66	13%	0%	-		1,10	0,48	-	-	-	9.420.840		781.666	8.639.174	8.639.174	
11	8883386885	Nguyễn Thị Vân	GV	A	V.07.05.15	X		01/06/2009	01/04/2023	7	4,32	18%	0%	-		1,30	0,78	-	-	-	11.508.480		963.446	10.545.034	10.545.034	
12	8833386887	Nguyễn Hữu Phúc	GV	A	V.07.05.15	X	X	01/04/2003	01/12/2023	8	4,65	20%	0%	-		1,40	0,93	-	-	-	12.555.000		1.054.620	11.500.380	11.500.380	
13	4203215037358	Hồ Trần Thị Bảo Châu	GV	A	V.07.05.15	X	X	01/04/2009	01/04/2024	5	3,99	15%	0%	-		1,20	0,60	-	-	-	10.413.900		867.227	9.546.673	9.546.673	
14	8873386889	Ngô Thị Lãnh	GV	A	V.07.05.15	X		03/09/2011	03/09/2023	5	3,66	16%	0%	-		1,10	0,59	-	-	-	9.618.480		802.418	8.816.062	8.816.062	
15	5625592359	Cao Thị Cúc	GV	A	V.07.05.15	X		01/01/2004	01/01/2022	7	4,32	20%	0%	-		1,30	0,86	-	-	-	11.664.000		979.776	10.684.224	10.684.224	
16	8853386890	Trần Ngọc Nhỏ	GV	D	V.07.05.15		X	01/09/1995	01/03/2024	9	4,98	29%	6%	-		1,58	1,53	0,30	-	-	15.107.925		1.287.024	13.820.902	13.820.902	
17	8883386891	Ngô Thị Oanh	GV	D	V.07.05.15	X		01/06/2016	01/06/2022	3	3,00	8%	0%	-		0,90	0,24	-	-	-	7.452.000		612.360	6.839.640	6.839.640	
18	8803386892	Nguyễn Thị Thanh Cúc	GV	S	V.07.05.15	X		01/11/1999	01/11/2023	9	4,98	24%	0%	-		1,49	1,20	-	-	-	13.804.560		1.167.113	12.637.447	12.637.447	
19	8833386893	Trương Thị Hương	TT	S	V.07.05.14	X		01/11/1999	01/05/2022	4	5,02	24%	0%	0,25		1,58	1,26	-	-	-	14.608.440		1.235.077	13.373.363	13.373.363	
20	8853386894	Nguyễn Thị Thu Hà	GV	S	V.07.05.15	X		01/09/2000	01/12/2023	9	4,98	24%	0%	-		1,49	1,20	-	-	-	13.804.560		1.167.113	12.637.447	12.637.447	
21	8800048099	Nguyễn Việt Quang	GV	S	V.07.05.15		X	05/10/2002	05/10/2023	8	4,65	21%	0%	-		1,40	0,98	-	-	-	12.638.700		1.063.409	11.575.291	11.575.291	
22	8873386895	Huyền Văn Chung	TP	S	V.07.05.15			15/09/2005	15/09/2023	7	4,32	19%	0%	0,15		1,34	0,85	-	-	-	11.988.540		1.005.348	10.983.192	10.983.192	3.625.000
23	8893386896	Nguyễn Thị Nga	GV	S	V.07.05.15	X		01/09/1999	01/03/2022	9	4,98	25%	0%	-		1,49	1,25	-	-	-	13.894.200		1.176.525	12.717.675	12.717.675	
24	8823386897	Thái Ngọc Đái	GV	H	V.07.05.15			15/09/1988	01/12/2023	9	4,98	36%	16%	-	0,10	1,73	2,08	0,80	-	-	17.441.078		1.484.869	15.956.209	15.956.209	
25	8843386898	Nguyễn Văn Phú	TT	H	V.07.05.15		X	01/11/1999	01/11/2022	9	4,98	23%	0%	0,25		1,57	1,20	-	-	-	14.403.420		1.215.818	13.187.602	13.187.602	
26	8863386899	Phạm Thị Phú	GV	H	V.07.05.14	X		05/10/2002	05/10/2023	3	4,68	21%	0%	-		1,40	0,98	-	-	-	12.720.240		1.070.569	11.649.671	11.649.671	
27	8813386900	Nguyễn Tiến Vinh	GV	H	V.07.05.15			01/09/2002	01/06/2022	8	4,65	22%	0%	-		1,40	1,02	-	-	-	12.722.400		1.072.197	11.650.203	11.650.203	

Mức lương tối thiểu 1.800.000
 Thời điểm tính lương 01/09/2024



Handwritten signature in blue ink.

TT	Số tài khoản	Họ và tên	Chức vụ	Ngày tuyển dụng chính thức (hết tập sự)	Ngày tháng nâng lương gần nhất	Bậc	Hệ số lương CB	Tỷ lệ PC TN ngành	Tỷ lệ PCV K	Phụ cấp					Nghỉ việc khg hưởng lương	Khấu trừ 10,5% BHXH, YT, TN	Tổng số tiền được nhận 89,5%	Trừ lương		Tổng số tiền nhận sau khi trừ tiền vay
										Chức vụ	Trách nhiệm	PCĐ	PC TN nghề	Vượt khung				Đang đoàn	Thu hút	
28	8843386901	Nguyễn Thị Kim Nguyệt	GV	01/09/2008	01/01/2023	6	3,99	15%	0%	1,20	0,60	-	-	-	867.227	9.546.673	10.413.900	-	-	9.546.673
29	8863386902	Nguyễn Đức Hiền	GV	05/09/2001	01/12/2023	8	4,65	21%	0%	1,40	0,98	-	-	-	1.063.409	11.575.291	12.638.700	-	-	11.575.291
30	8883386903	Hồ Thị Hoài Hương	TP	05/10/2002	05/04/2023	8	4,65	21%	0%	1,44	1,01	-	-	-	1.097.712	11.948.688	13.046.400	-	-	11.948.688
31	8842927965	Mai Thị Trúc Hà	GV	03/09/2011	03/09/2023	5	3,66	13%	0%	1,10	0,48	-	-	-	781.666	8.639.174	9.420.840	-	-	8.639.174
32	8813386904	Hồ Thị Thu Thủy	GV	01/11/1999	01/11/2023	4	5,02	24%	0%	1,51	1,20	-	-	-	1.176.487	12.738.953	13.915.440	-	-	12.738.953
33	8833386905	Đinh Văn Tú	TT	15/09/2005	15/12/2022	7	4,32	19%	0%	1,37	0,87	-	0,30	-	1.027.839	11.768.901	12.796.740	-	-	11.768.901
34	8803341317	Trương Minh Hà	GV	15/09/2005	15/09/2023	7	4,32	19%	0%	1,30	0,82	-	-	-	971.611	10.614.629	11.586.240	-	-	10.614.629
35	8853386906	Nguyễn Thống	GV	05/10/2002	05/10/2023	8	4,65	21%	0%	1,40	0,98	-	-	-	1.063.409	11.575.291	12.638.700	-	-	11.575.291
36	8883386907	Hoàng Thị Kim Thi	GV	01/11/2008	01/02/2023	6	3,99	15%	0%	1,20	0,60	-	-	-	867.227	9.546.673	10.413.900	-	-	9.546.673
37	8803386908	Nguyễn Thụy Diệu Anh	GV	05/10/2002	05/10/2023	8	2,34	0%	0%	0,70	-	-	-	-	442.260	5.033.340	5.475.600	-	-	5.033.340
38	8823386909	Đỗ Quốc Thiên Trang	PBTD	01/09/2009	00/01/1900	2	2,67	0%	0%	0,80	-	-	-	-	504.630	6.193.170	6.697.800	-	-	6.193.170
39	8803386910	Vân Thị Bé	GV	01/11/1999	01/05/2023	9	4,98	24%	0%	1,49	1,20	-	-	-	1.167.113	12.637.447	13.804.560	-	-	12.637.447
40	8833386911	Phan Thị Máy	TP	01/11/1999	01/05/2022	4	5,02	24%	0%	1,55	1,24	-	-	-	1.211.641	13.119.599	14.331.240	-	-	13.119.599
41	8853386912	Trương Thị Hồng Minh	GV	01/09/2000	01/12/2023	9	4,98	24%	0%	1,49	1,20	-	-	-	1.167.113	12.637.447	13.804.560	-	-	12.637.447
42	8873386913	Trần Thị Thu Thảo	GV	05/10/2002	05/10/2023	8	4,65	21%	0%	1,40	0,98	-	-	-	1.063.409	11.575.291	12.638.700	-	-	11.575.291
43	8803386914	Đoàn Thị Kim Hoa	GV	01/01/2013	01/07/2024	5	3,66	11%	0%	1,10	0,40	-	-	-	767.831	8.521.249	9.289.080	-	-	8.521.249
44	8823386915	Nguyễn Ngọc Đình	GV	01/05/2010	01/02/2024	6	3,99	14%	0%	1,20	0,56	-	-	-	859.685	9.482.395	10.342.080	-	-	9.482.395
45	8843386916	Phan Châu Niêm	TT	01/01/1993	01/01/2024	9	4,98	30%	10%	1,72	1,72	0,50	-	-	1.407.370	15.089.270	16.496.640	-	-	15.089.270
46	8833333793	Hồ Xuân Sơn	TP	05/10/2002	05/01/2023	8	4,65	21%	0%	1,44	1,01	-	-	-	1.097.712	11.948.688	13.046.400	-	-	11.948.688
47	8873386917	Vương Chi Sĩ	GV	01/09/2000	01/03/2024	9	4,98	24%	0%	1,49	1,20	-	0,30	-	1.167.113	13.177.447	14.344.560	-	-	13.177.447
48	8893386918	Nguyễn Tuy	GV	05/10/2002	05/04/2023	8	4,65	21%	0%	1,40	0,98	-	-	-	1.063.409	11.575.291	12.638.700	-	-	11.575.291
49	8813386919	Phan Thị Lệ Mỹ	GV	01/03/2011	01/06/2022	5	3,66	13%	0%	1,10	0,48	-	-	-	781.666	8.639.174	9.420.840	-	-	8.639.174
50	8893386920	Nguyễn Phúc Hương	TT	22/02/1993	01/02/2024	9	4,98	31%	12%	1,75	1,81	0,60	-	-	1.442.855	15.445.530	16.888.285	-	-	15.445.530
51	8823386921	Lê Văn Hiền	GV	01/09/1995	01/09/2022	9	4,98	29%	0%	1,49	1,44	-	-	-	1.214.174	13.038.586	14.252.760	-	-	13.038.586
52	8843386922	Phan Văn Nghĩa	TP	05/10/2002	05/10/2023	8	4,65	21%	0%	1,44	1,01	-	-	-	1.097.712	11.948.688	13.046.400	-	-	11.948.688
53	8863386923	Đoàn Thị Phương	GV	05/10/2002	05/04/2023	8	4,65	21%	0%	1,40	0,98	-	-	-	1.063.409	11.575.291	12.638.700	-	-	11.575.291
54	5621023680	Trần Thị Ngọc Phương	GV	15/09/2005	15/03/2023	7	4,32	19%	0%	1,30	0,82	-	-	-	971.611	10.614.629	11.586.240	-	-	10.614.629
55	8893386924	Đỗ Thị Thuần	GV	05/10/2002	05/10/2023	8	4,65	21%	0%	1,40	0,98	-	-	-	1.063.409	11.575.291	12.638.700	-	-	11.575.291
56	8813386925	Đương Thị Như Trang	GV	01/08/2008	01/08/2023	6	3,99	16%	0%	1,20	0,64	-	0,30	-	874.768	10.150.952	11.025.720	-	-	10.150.952

TT	Số tài khoản	Họ và tên	Chức vụ	Day môn, tổ	Mã ngạch	Nữ	Đảng viên	Ngày tuyên đưng chính thức (chết tập sự)	Ngày tháng thức lương gần nhất	Bậc	Hệ số lương CB	Tỷ lệ PC TN nghề	Tỷ lệ PCV K	Chức vụ	Trách nhiệm	PCƯĐ	PC TN nghề	Vượt khung	Đảng đoàn	Thu hưu	Tổng công lương & phụ cấp	Nghĩ việc kh hươg lương	Khấu trừ 10,5% BHXH, YT, TN	Tổng số tiền được nhận 89,5%	Trừ lương		Tổng số tiền được nhận sau khi trừ tiền vay								
																									Tiền NH										
57	8833386926	Lê Hồng Sa	GV	T	V.07.05.15	X		01/05/2010	01/08/2024	6	3,99	14%	0%	-	-	1,20	0,56	-	-	-	10.342.080	-	859.685	9.482.395	9.482.395	9.482.395									
58	8863386927	Nguyễn Thị Thanh	PHĐT	T	V.07.05.15	X	X	16/07/2018	16/07/2024	3	3,00	6%	0%	-	0,25	0,90	0,18	-	-	-	7.794.000	-	601.020	7.192.980	7.192.980	7.192.980									
59	8883386928	Phan Thị Thanh Vân	GV	Ti	V.07.05.15	X	X	01/05/2010	01/08/2024	6	3,99	14%	0%	-	-	1,20	0,56	-	-	-	10.342.080	-	859.685	9.482.395	9.482.395	9.482.395									
60	8803386929	Nguyễn Xuân Tình	GV	Ti	V.07.05.15			03/09/2011	03/09/2023	5	3,66	13%	0%	-	-	1,10	0,48	-	-	-	9.420.840	-	781.666	8.639.174	8.639.174	8.639.174									
61	8883386930	Dương Hồng Hải	TP	Ti	V.07.05.15			15/09/2011	15/09/2023	5	3,66	13%	0%	-	-	1,14	0,50	-	-	-	9.806.940	-	813.702	8.993.238	8.993.238	8.993.238									
62	8813386931	Nguyễn Thị Xuân Đào	GV	V	V.07.05.15	X		01/11/2002	01/11/2023	8	4,65	21%	0%	-	-	1,40	0,98	-	-	-	12.638.700	-	1.063.409	11.575.291	11.575.291	11.575.291									
63	8833386922	Trần Thị Phương Duyên	GV	V	V.07.05.15	X		05/10/2002	05/10/2023	8	4,65	21%	0%	-	-	1,40	0,98	-	-	-	12.638.700	-	1.063.409	11.575.291	11.575.291	11.575.291									
64	8853386933	Dương Thị Ngọc Hà	TT	V	V.07.05.15	X	X	05/10/2002	05/10/2023	8	4,65	21%	0%	-	-	1,40	0,98	-	-	-	13.318.200	-	1.120.581	12.197.619	12.197.619	12.197.619									
65	8883386934	Phạm Thị Sen	GV	V	V.07.05.15	X		05/10/2002	05/10/2023	8	4,65	21%	0%	-	-	1,40	0,98	-	-	-	11.508.480	-	963.446	10.545.034	10.545.034	10.545.034									
66	8803386935	Phạm Thị Xuân Hiếu	GV	V	V.07.05.15	X		01/09/2006	01/05/2024	7	4,32	18%	0%	-	-	1,30	0,78	-	-	-	13.046.400	-	1.097.712	11.948.688	11.948.688	11.948.688									
67	8823386936	Bùi Quốc Công	TP	V	V.07.05.15		X	05/10/2002	05/07/2022	8	4,65	21%	0%	-	-	1,44	1,01	-	-	-	12.889.800	-	1.089.774	11.800.026	11.800.026	11.800.026									
68	8853386937	Châu Thị Hiền	GV	V	V.07.05.15	X	X	04/09/2001	01/03/2022	8	4,65	24%	0%	-	-	1,40	1,12	-	-	-	12.638.700	-	1.063.409	11.575.291	11.575.291	11.575.291									
69	8873386938	Nguyễn Thị Ngọc Phạm	GV	V	V.07.05.15	X		05/10/2002	05/10/2023	8	4,65	21%	0%	-	-	1,40	0,98	-	-	-	12.889.800	-	1.089.774	11.800.026	11.800.026	11.800.026									
70	8807445999	Dương Quốc Huy	TT&P	VP	06.031		X	03/04/2008	01/05/2023	6	3,99	0%	0%	-	0,25	-	-	-	-	-	7.812.000	-	801.360	7.010.640	7.010.640	7.010.640									
71	8893386939	Lê Thị Linh	NV	VP	02.008		X	01/03/2022	01/09/2022	3	2,26	0%	0%	-	-	-	-	-	-	-	4.068.000	-	427.140	3.640.860	3.640.860	3.640.860									
72	8873386940	Trần Thị Bích Thảo	NVTV	VP	V.10.02.06	X		01/03/2022	01/04/2023	5	3,66	0%	0%	-	-	0,30	-	-	-	-	7.128.000	-	691.740	6.436.260	6.436.260	6.436.260									
73	8803386941	Nguyễn Hồ Công Huy	TP	VP	V.11.06.14		X	01/03/2022	01/03/2023	1	2,34	0%	0%	-	0,15	-	-	-	-	-	4.482.000	-	470.610	4.011.390	4.011.390	4.011.390									
74	8823386942	Lê Đức Nhà	NV	VP68				01/01/2003	01/11/2023	11	3,30	0%	0%	-	-	-	-	-	-	-	5.940.000	-	623.700	5.316.300	5.316.300	5.316.300									
75	8843386943	Nguyễn Thanh Tuấn	NV	VP68				01/11/2023	01/11/2023	6	2,40	0%	0%	-	-	-	-	-	-	-	4.320.000	-	453.600	3.866.400	3.866.400	3.866.400									
76	8873386944	Mai Thị Cẩm Lai	NV	VP68		X		01/11/2023	01/11/2023	7	2,56	0%	0%	-	-	-	-	-	-	-	4.608.000	-	483.840	4.124.160	4.124.160	4.124.160									
Tổng cộng: 76 người											44	26	325,7	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	809.684.645	809.684.645	809.684.645					
TC biên chế là: 73 người													317,5	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	796.377.785	796.377.785		
TC HĐ68 và TCTBC: 3 người													8,26	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	13.306.860	13.306.860

Số tiền bằng chữ: Tám trăm linh chín triệu sáu trăm tám mươi bốn ngàn sáu trăm bốn mươi lăm đồng chẵn /

Kế toán trưởng

MB

Dương Quốc Huy

Thăng Bình, ngày 9 tháng 9 năm 2024

Thu trưởng đơn vị

MB

Bùi Cao Vân



